

## BÀI 5

### TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

#### *Bài tập*

1. **Bài tập 1**, trang 58, SGK.
2. **Bài tập 2**, trang 59, SGK.
3. **Bài tập 3**, trang 59, SGK.
4. **Bài tập 4\***, trang 59, SGK.
5. **Bài tập 5**, trang 59, SGK.
6. Đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi tặng vợ và cho biết bài thơ này gợi cho em những cảm nghĩ gì xung quanh vấn đề từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.

*Cái gầu thì bảo cái dài  
Ra sân thì bảo ra ngoài cái cươi  
Chỗ tức là thấy em ơi  
Trụng là nhúng đáy đừng cười nghe em.  
Thích chí thì bảo là sèm  
Nghe ai bảo đợi thì đem bát vào  
Cá quả lại gọi cá trâu  
Vợ trốc là bảo gọi đầu đáy em...  
Nghe em giọng Bắc êm êm  
Bà con hàng xóm đến xem chật nhà  
Rặng chưa sang nhối nhà choa  
Bà o đã nhốt con ga trong truồng  
Em cười bõi rồi mà thương  
Thương em một lại trăm đường thương quê  
Gió lào thổi rạc bờ tre  
Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhạc nhǎn  
Chắt từ đá sỏi đất cằn  
Nên yêu thương mới sâu đậm đó em.*

(Báo Văn nghệ, số 28/ 2006)

## *Gợi ý làm bài*

1. So sánh từ ngữ địa phương với từ ngữ toàn dân để tìm sự tương ứng về nghĩa giữa từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân. Từ ngữ địa phương có thể là danh từ (tên gọi người, động vật, thực vật, sự vật,...), có thể là động từ, tính từ, đại từ,...

Trình bày theo mẫu trong SGK, trang 58.

2. Biết ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định, khó hiểu đối với người ở tầng lớp khác. Nên nói rõ những từ ngữ mà em nêu ra thuộc biệt ngữ xã hội của tầng lớp nào và giải thích ý nghĩa của các từ ngữ đó.

Có thể tham khảo cuốn *Tiếng lóng Việt Nam* của Nguyễn Văn Khang, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

3. Đây là bài tập có dạng trắc nghiệm. Điều cần chú ý là chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi người nói chuyện với mình là người cùng địa phương trong tình huống giao tiếp bình thường. Có khi đối tượng giao tiếp là người cùng địa phương nhưng tình huống giao tiếp lại có tính chất chính thức như khi phát biểu ý kiến ở lớp, khi viết đơn từ, báo cáo gửi thầy (cô) giáo thì không nên dùng từ ngữ địa phương.

4. Có thể sưu tầm ở các cuốn sách về thơ, ca dao, hò, vè của địa phương em (hoặc của địa phương khác). Cũng có thể sưu tầm bằng cách hỏi những người am hiểu về vấn đề này.

6. Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi quê ở Nghệ An. Vợ nhà thơ là người miền Bắc. Trong bài thơ này, có nhiều từ ngữ địa phương Nghệ – Tĩnh đã được tác giả giải thích bằng từ ngữ toàn dân. Nhưng có mấy từ ngữ tác giả không giải thích. Đó là từ *răng* có nghĩa là *sao* (từ nghi vấn), *nhỡi* (chơi), *choa* (đại từ ngôi thứ nhất, tự xưng đối với người ngang bậc hoặc ở bậc dưới ; *tao*, *chúng tao*), *o* (chị hoặc em gái của cha), *ga* (gà), *truồng* (chuồng).

Qua bài thơ, em cảm nghĩ như thế nào về tình cảm của con người đối với tiếng nói của quê hương ; về những khó khăn trong việc giao tiếp do tiếng địa phương gây ra và tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ văn hoá ngôn ngữ, nâng cao sự hiểu biết về từ ngữ toàn dân để mọi người ở các địa phương có thể hiểu nhau dễ dàng hơn.